

Bản án số: 24/2022/HS-ST  
Ngày 22-3-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Bình

*Thẩm phán:* Bà Bùi Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Xuân Quyết

Bà Nguyễn Thị Luyện

Bà Nguyễn Thị Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Đức – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 189/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị T**, sinh ngày 03 tháng 01 năm 1978 tại Quảng Ninh; Nơi cư trú: Tổ 2 khu 8 phường Cẩm Thành, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị L sinh năm 1941; có chồng là Nguyễn Văn S sinh năm 1973 và 02 con; Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt truy nã ngày 08/7/2021 đến ngày 14/7/2021 chuyển tạm giam. Có mặt.

**Bị hại:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn An Lợi, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

*Người làm chứng:*

Anh Trần Văn S, anh Nguyễn Văn T, anh Vương Xuân T. Đều có mặt.

Ông Dương Quang L, anh Đoàn Hải T. Đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị T là nhân viên Hợp đồng tuyển dụng lao động ngắn hạn (một năm) của Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản than Đông Bắc thuộc Tổng công ty 319, Bộ Quốc Phòng kể từ tháng 3 năm 2014. Ngày 01/3/2014, Thanh được bổ nhiệm làm giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản than Đông Bắc - Xí nghiệp chế biến kinh doanh than Hải Phòng thuộc Tổng công ty 319, Bộ Quốc Phòng có trụ sở tại Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh.

Tháng 9 năm 2014 thông qua nhân viên hợp đồng dưới quyền là ông Vương Xuân T và Nguyễn Văn T giới thiệu, Thanh quen với vợ chồng ông Trần Văn S, bà Phạm Thị H (sinh năm 1972, trú tại: Xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng) là chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần dịch vụ công nghiệp Gia Đức, huyện Thủy Nguyên - Hải Phòng. Ngày 26/9/2014, Nguyễn Thị T cùng bà Phạm Thị H ký các Bản thỏa thuận hợp tác kinh doanh số 25/2014/TTHTKD và số 26/2014/TTHTKD về việc cùng nhau sử dụng Cảng tại thửa đất số 164 tờ bản đồ số 01, khu vực đê sông Đá Bạc, xã Lưu Kỳ, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng và diện tích 86.000 m<sup>2</sup> thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CT01406 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 24/3/2014 thuộc quyền quản lý của bà Phạm Thị H vào mục đích hợp tác kinh doanh.

Cùng trong ngày 26/9/2014, qua trao đổi được biết vợ chồng bà Hào đang có nhu cầu kinh doanh bã xít thải, Thanh nảy sinh ý định lừa dối nhằm chiếm đoạt tiền của vợ chồng bà Hào để kinh doanh. Thanh giới thiệu bản thân có nguồn bã xít thải để bán và dẫn ông Sơn (chồng bà Hào) đến bãi bã xít thải tại mặt bằng 24 của Công ty Than Uông Bí để xem và lấy mẫu đi giám định. Vợ chồng bà Hào tin tưởng Thanh là Giám đốc Xí nghiệp chế biến kinh doanh than Hải Phòng, khi gặp mặt Thanh đều mặc trang phục quân nhân mang cấp hàm trung tá nên ngày 27/9/2014 đã ký biên bản thỏa thuận về việc mua bã xít thải, nội dung: bên A (bên bán) gồm bà Nguyễn Thị T và ông Vương Xuân T bán bã xít thải cho bà Phạm Thị H khối lượng dự kiến 30.000 m<sup>3</sup>/tháng, nhiệt lượng là 3.000 kcal/kg, đơn giá 400.000 đồng/m<sup>3</sup>. Hai bên thống nhất chọn trung tâm KCS Mạo Khê, Quảng Ninh để thử mẫu, xác định chất lượng làm cơ sở thanh quyết toán. Thời gian giao mỗi lô hàng 10.000 m<sup>3</sup>: chậm nhất 15 ngày kể từ ngày bên mua chuyển tiền đặt cọc. Nếu quá 15 ngày bên bán không giao hàng được cho bên mua, thì phải hoàn lại tiền đặt cọc cho bên mua, thời gian hoàn lại tiền đặt cọc, chậm nhất 02 ngày làm việc. Ngay sau khi ký Biên bản thỏa thuận, bà Hào trực tiếp chuyển cho Thanh số tiền 500.000.000 đồng tiền đặt cọc, ngày 29/9/2014, bà Hào giao tiếp số tiền 500.000.000 đồng theo yêu cầu của Thanh. Ngày 03/10/2014, Thanh nói với bà Hào công ty than Uông Bí yêu cầu nộp hết tiền thì sẽ làm thủ tục xuất bã xít, nếu để chậm sẽ không lấy được bã xít. Thanh khẳng định với vợ chồng bà Hào là hàng hóa đã chuẩn bị xong và yêu cầu bà Hào chuẩn bị đủ kho bãi, phương tiện giao nhận để Thanh tổ chức giao hàng tại Bến Dụn, huyện Đông Triều, Quảng Ninh. Tin tưởng lời Thanh, bà Hào giao tiếp cho bà Thanh 03 tỷ đồng. Cả 03 lần bà Hào đều giao tiền trực tiếp cho Thanh tại trụ sở Công ty Cổ phần dịch vụ công nghiệp Gia Đức, Thanh là người trực tiếp nhận tiền, ký nhận vào các Phiếu chi, các lần nhận tiền đều có mặt ông Vương Xuân T và ông Nguyễn Văn T chứng kiến. Tổng số tiền bà Hào đã chuyển cho Thanh là 4.000.000.000 đồng. ....Sau khi nhận tiền, Thanh không giao hàng như thỏa thuận, bà Hào đã yêu cầu Thanh trả lại tiền nhưng Thanh

khất nợ và 03 lần viết cam kết trả lại tiền cho bà Hào vào các ngày 05/11/2014, 10/12/2014 và 29/12/2014 nhưng đều không trả được. Đầu năm 2015, bà Phạm Thị H thấy Thanh không giao hàng, không trả tiền nên đã làm đơn tố cáo Thanh có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 04 tỷ đồng, đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra các biên bản thỏa thuận, phiếu chi, bản cam kết do Nguyễn Thị T ký với bà Hào.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSHP-P3 ngày 24/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

*Bị cáo khai nhận:*

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã dùng tiền nhận được từ bị hại để đi đầu tư quặng silic nhưng bị thua lỗ hết. Bị cáo đã tác động đến gia đình để khắc phục hậu quả cho bị hại. Tuy nhiên hiện nay bị cáo đang bị tạm giam nên không biết được gia đình đã bồi thường cho bị hại hay chưa. Số tiền 10.000 USD là tiền bị cáo đưa cho ông Dương Quang L làm quà biếu. Đến nay bị cáo tự nguyện dùng số tiền này để khắc phục hậu quả cho bị hại là chị Phạm Thị H. Bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất hối hận, bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Bị hại Phạm Thị H trình bày:*

Do tin tưởng bị cáo Nguyễn Thị T là giám đốc Xí nghiệp chế biến kinh doanh than Hải Phòng, khi gặp mặt đều thấy Thanh mặc trang phục quân nhân, cấp hàm Trung tá nên bà Hào đã ký biên bản thỏa thuận để mua bã xít thải với khối lượng là 30.000m<sup>2</sup>. Sau đó bà Hào đã chuyển cho Thanh 03 lần tiền với tổng số là 4.000.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày thỏa thuận giao hàng thì bà Hào không nhận được hàng và cũng không liên lạc được với Thanh. Bà Hào yêu cầu bị cáo phải trả lại toàn bộ số tiền 4.000.000.000 đồng không tính lãi suất và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Những người làm chứng trình bày:*

Anh Trần Văn S là chồng của bị hại Phạm Thị H. Anh Sơn là người chứng kiến từ đầu đến cuối việc giao dịch, ký kết mua hợp đồng bã xít thải giữa vợ anh và bị cáo. Các tình tiết nêu trong cáo trạng là đúng sự thật. Chị Hòa yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 4.000.000.000 đồng đã chiếm đoạt là đúng quy định của pháp luật. Anh đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hào.

Anh Nguyễn Văn T và ông Vương Xuân T đều khai nhận là nhân viên hợp đồng dưới quyền Nguyễn Thị T. Anh Thắng và anh Thu là người giới thiệu Thanh với vợ chồng anh Sơn, chị Hào. Ngoài ra không biết việc mua bán bã xít thải giữa bị cáo và chị Hào. Anh Thu có tên trong biên bản thỏa thuận ngày 27/9/2014 là do vợ chồng anh Sơn, chị Hào cùng thống nhất để anh Thu chịu trách nhiệm giám định chất lượng bã xít thải.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng tại phiên tòa đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt của bà Phạm Thị H số tiền 4.000.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 20 (Hai mươi) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền 4.000.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

Về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 26/09/2014 đến ngày 03/10/2014, mặc dù không có nguồn bã xít thái để kinh doanh nhưng Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối (nói dối bà Phạm Thị H về việc Thanh có nguồn bã xít thái để bán và lấy mẫu đi giám định; dẫn bà Hào và ông Sơn đến bãi bã xít thái tại mặt bằng 24 của Công ty Than Uông Bí để xem, mặc trang phục quân nhân mang cấp hàm trung tá) để bà Hào tin tưởng, ký biên bản thỏa thuận về việc mua bã xít thái (ký ngày 27/9/2014) và giao số tiền 4.000.000.000 đồng cho Thanh để mua bã xít thái. Sau khi nhận được số tiền 4.000.000.000 đồng từ bà Hào, Thanh đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết và bỏ trốn. Đến ngày 08/7/2021, Thanh bị bắt theo Lệnh truy nã. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xét xử nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cũng như góp phần đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] *Về tình tiết định khung*: Bị cáo Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà Hào số tiền 4.000.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung tăng nặng “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

*Về hình phạt*:

[5] Bị cáo Nguyễn Thị T nhân thân chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đối với số tiền 10.000 USD, ông Lai đã đưa cho anh Đoàn Hải T để giao nộp cơ quan điều tra; tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện trả lại số tiền 10.000 USD (tương đương 227.000.000 Việt Nam đồng) cho bị hại để khắc phục một phần hậu quả; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[6] Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là bà Phạm Thị H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 4.000.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này là có căn cứ nên được chấp nhận. Tại giai đoạn điều tra, anh Đoàn Hải T giao nộp cho cơ quan điều tra số tiền 10.000 USD đã nhận từ ông Dương Quang L. Tại phiên tòa, bị cáo khai số tiền này là tiền biếu ông Lai và tự nguyện trả lại cho bị hại số tiền 10.000 USD để khắc phục hậu quả. Bên cạnh đó, cả bị cáo và bị hại đều thống nhất tỷ giá USD ngày xét xử là 22.700 đồng/1USD. Như vậy 10.000 USD tương đương với số tiền là 227.000.000 đồng. Do đó, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 3.773.000.000 (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu) đồng.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng vụ án: Trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền 10.000 USD hiện đang tạm giữ.

[10] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[12] Đối với Vương Xuân T có tên cùng với Nguyễn Thị T với vai trò bên bán trong Biên bản thỏa thuận ngày 27/9/2014, quá trình điều tra xác định Thu đứng tên là do vợ chồng bà Hào và Thanh thống nhất để Thu chịu trách nhiệm giám định chất lượng hàng hóa trước khi giao hàng. Thu không biết việc Thanh gian dối để chiếm đoạt 04 tỷ đồng của bà Hào nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T hình phạt 20 (Hai mươi) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2021.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho bà Phạm Thị H số tiền 3.773.000.000 (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả cho bà Phạm Thị H số tiền 10.000 USD theo ủy nhiệm chi lập ngày 27/12/2021 giữa đơn vị trả tiền là Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng và đơn vị nhận tiền là Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng tại Kho bạc Nhà nước Hải Phòng.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp tiền số tiền 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 107.460.000 (Một trăm linh bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 61; Điều 62; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Bình**